

Bản án số: 110/2024/DS-PT
Ngày 26/4/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Định

Ông Nguyễn Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2023/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 403/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ: Số D, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1994; Chức danh: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Số D T, khóm A, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956 và bà Quách Thị L1, sinh năm 1956; (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Việt H – Văn phòng L3. Địa chỉ: LK.02-41, đường C, khu dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1/ Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2/ Ông Nguyễn Thanh C1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3/ Bà Võ Thúy H1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4/ Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Đường V, khóm I, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5/ Bà Nguyễn Thị Cẩm L2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

6/ Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Đường L, khóm D, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

-Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 là bị đơn và ông Nguyễn Thanh C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2022 (BL01) của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trương Thị Mỹ N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/8/2019, ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Phòng giao dịch thị xã V có ký kết Hợp đồng tín dụng số 324/19/HĐTD/2101-7768 vay số tiền 350.000.000 đồng, mục đích vay: Trồng hoa màu và chăn nuôi, giải ngân ngày 10/8/2019, thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn 10/8/2020, lãi suất vay là 11,5%/năm cố định trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Từ tháng thứ 4, lãi suất thay đổi 03 tháng 1 lần và được tính bằng mức lãi suất gửi tiền tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng thêm 3,8%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi suất quá hạn 150% (gấp 1.5 lần) lãi suất vay ngay thời điểm nợ quá hạn, mức phạt chậm trả lãi 10%/năm, hình thức thanh toán gốc, lãi trả cuối kỳ.

Tài sản thế chấp dùng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết tại Hợp đồng thế chấp số 052/15/HĐTC-BDS/2101-2922 ngày 28/7/2015 cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất số M 670602 do UBND huyện V (nay là UBND

thị xã V) cấp ngày 14/02/1999; thửa đất số 03 và thửa số 343 cùng tờ bản đồ số 09 diện tích 22.172m²; đất tọa lạc ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày vay ông Nguyễn Văn L và Quách Thị L1 chưa thanh toán đủ nợ gốc, lãi cho ngân hàng. Tạm tính đến ngày 26/9/2023 ông Nguyễn Văn L và Quách Thị L1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền là: 246.982.830 đồng (Trong đó, vốn gốc: 175.963.485 đồng; lãi quá hạn: 71.019.345 đồng).

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L và Quách Thị L1 phải thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 26/9/2023 là 246.982.830 đồng (Trong đó, vốn gốc: 175.963.485 đồng; lãi quá hạn: 71.019.345 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn L và Quách Thị L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông L và vợ có ký vào hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ của Ngân hàng K, tuy nhiên ông L không có nhận số tiền 350.000.000 đồng của Ngân hàng mà ký để đảm bảo cho con ông L vào làm cộng tác viên của Ngân hàng. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông L không đồng ý trả nợ, yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh C trình bày: Cha Mẹ ông C có ký vào hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng số tiền 350.000.000 đồng, Ngân hàng dùng số tiền này để mở cho ông C một số tiết kiệm tại Ngân hàng 350.000.000 đồng, để đảm bảo cho ông C làm cộng tác viên, giấy rút tiền ngày 26/5/2021 là do ông C ký. khi ông C làm cộng tác viên những khách hàng vẫn còn nợ tiền Ngân hàng và Ngân hàng vẫn còn giữ tài sản của những người vay tiền, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Cha Mẹ ông C trả nợ vay là không đúng, yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/3/2023 (BL105-106) ông L thừa nhận là còn nợ số tiền như Ngân hàng khởi kiện, do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng được nên cho ông L mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn bà Quách Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C1, bà Võ Thúy H1, ông Nguyễn Thanh H2, bà Nguyễn Thị Cẩm

L2, bà Nguyễn Thị Cẩm T đều vắng mặt tại tất cả các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết và Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C có mặt, bị đơn bà Quách Thị L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại tất cả đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn bà L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C1, bà H1, ông H2, bà L2, bà T vẫn vắng mặt không có lý do.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 147/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 cùng liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2023) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 175.963.485 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 71.019.345 đồng.

Tổng cộng 246.982.830 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn tám trăm ba mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 27/9/2023) ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký số 324/19/HĐTD/2101-7768 ngày 10/8/2019 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thị xã V phát mãi tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 052/15/HĐTC-BĐS/2101-2922 ngày 28/7/2015 đã ký để Ngân hàng thu hồi nợ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh C1, bà Võ Thúy H1, ông Nguyễn Thanh H2, bà Nguyễn Thị Cẩm L2, bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản để phát mãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10 tháng 10 năm 2023 bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C kháng cáo bản án sơ thẩm theo hướng yêu cầu hủy bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn và người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan ông C giữ nguyên bản án sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm Ông Nguyễn Văn L, bà Quách Thị L1, bà Nguyễn Thị Cẩm L2 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C1, bà Võ Thúy H1, ông Nguyễn Thanh H2, bà Nguyễn Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Quách Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, kết luận trong bản án sơ thẩm không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất: Ngày 10/8/2019, ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Phòng giao dịch thị xã V có ký kết Hợp đồng tín dụng số 324/19/HĐTD/2101-7768 vay số tiền 350.000.000 đồng, mục đích vay: Trồng hoa màu và chăn nuôi, giải ngân ngày 10/8/2019, thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn 10/8/2020, lãi suất vay là 11,5%/năm cố định trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Từ tháng thứ 4, lãi suất thay đổi 03 tháng 1 lần và được tính bằng mức lãi suất gửi tiền tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng thêm 3,8%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi suất quá hạn 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất vay ngay thời điểm nợ quá hạn, mức phạt chậm trả lãi 10%/năm, hình thức thanh toán gốc, lãi trả cuối kỳ. Tài sản thế chấp dùng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết tại Hợp đồng thế chấp số 052/15/HĐTC-BDS/2101-2922 ngày 28/7/2015 cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất số M 670602 do UBND huyện V (nay là UBND thị xã V) cấp ngày 14/02/1999; thửa đất số 03 và thửa số 343 cùng

tờ bản đồ số 09 diện tích 22.172m²; đất tọa lạc ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do vậy có căn cứ xác định việc ông L, bà L1 có vay tiền Ngân hàng và có thể chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo hợp đồng tín dụng nêu trên là có thật. Ông L, bà L1 và ông C cho rằng gia đình có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nhưng không có nhận tiền của Ngân hàng, quá trình Tòa án thu thập tài liệu thể hiện ông L có ký hợp đồng tín dụng, ký giấy nhận nợ số tiền 350.000.000 đồng và ký vào giấy lĩnh tiền mặt ngày 10/8/2019 với số tiền 350.000.000 đồng, nhưng ông L, bà L1, ông C lại trình bày là không có nhận tiền của Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với lý do kháng cáo cho rằng mục đích vay tiền là để ông Nguyễn Thanh C có khoản tiền thế chấp 350.000.000đ mới được làm cộng tác viên của Ngân hàng tuy nhiên ông L, ông C, bà L1 không có chứng cứ chứng minh Ngân hàng chuyển khoản số tiền vay này vào sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Thanh C trong khi hợp đồng tín dụng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 với Ngân hàng T2 vay là T1 hoa màu và chăn nuôi (bút lục 20) và ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 đã nhận số tiền 350.000.000đ bằng tiền mặt (bút lục 290). Còn việc sau khi ông nhận tiền mặt vay của Ngân hàng ông giao cho ông Nguyễn Thanh C sử dụng vào mục đích gì là quan hệ dân sự khác, nếu ông có yêu cầu thì có thể khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác đối với ông Nguyễn Thanh C. Kháng cáo của ông L, bà L1, ông C cho rằng cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, kết luận trong bản án không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với lý do kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng nhưng ông L, bà L1, ông C không nêu ra được vi phạm gì trong quá trình tố tụng trong khi Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử và kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự về Thụ lý và giao nhận Thông báo thụ lý, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, Điều 96, 97, 101 Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc đương sự giao nộp tài liệu chứng cứ, Tòa án tiến hành xác minh, thẩm định tại chỗ; Điều 205, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự về tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự; khoản 1 Điều 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự về thời hạn giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Do vậy lý do kháng cáo này của ông L, bà L1, ông C là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về Hợp đồng Tín dụng, Hợp đồng Thế chấp thực hiện trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung của các hợp đồng này được thực hiện đúng các quy định từ Điều 463 đến Điều 470, Điều 317 đến Điều 327 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do vậy cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng Tín dụng số 324/19/HĐTD/2101-7768 ngày 10/8/2019 và Hợp đồng thế chấp số 052/15/HĐTC-BDS/2101-2922 ngày 28/7/2015 có hiệu lực và giải quyết phần tiền vốn, tiền lãi và tài sản thế chấp như bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật

[7] Từ cơ sở phân tích tại mục [3], [4], [5], [6] nêu trên kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1, ông Nguyễn Thanh C yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1, ông Nguyễn Thanh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về nghĩa vụ do chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2023) ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 phải liên đới chịu. Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã tạm ứng trước nên ông L và bà L1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 là người cao tuổi và có đơn miễn nộp tiền án phí nên ông L và bà L1 được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Do ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 là người cao tuổi và có đơn miễn nộp tiền án phí nên ông L và bà L1 được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Thanh C phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1, ông Nguyễn Thanh C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 cùng liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2023) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 175.963.485 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 71.019.345 đồng.

Tổng cộng 246.982.830 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn tám trăm ba mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 27/9/2023) ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký số 324/19/HĐTD/2101-7768 ngày 10/8/2019 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thị xã V phát mãi tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 052/15/HĐTC-BĐS/2101-2922 ngày 28/7/2015 đã ký để Ngân hàng thu hồi nợ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh C1, bà Võ Thúy H1, ông Nguyễn Thanh H2, bà Nguyễn Thị Cẩm L2, bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản để phát mãi.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định: 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 phải liên đới chịu. Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã tạm ứng trước nên ông L và bà L1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nêu trên lại cho Ngân hàng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 phải chịu 12.349.142 đồng (mười hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bốn mươi hai đồng). Do ông L và bà L1 là người cao tuổi và có đơn miễn nộp tiền án phí nên ông L và bà L1 được miễn nộp án phí.

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.409.491 đồng (năm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn bốn trăm chín mươi một đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004433, ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L và bà Quách Thị L1 được miễn án phí
- Ông Nguyễn Thanh C phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008505 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Vĩnh Châu. Ông Nguyễn Thanh C đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tx V;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tx V;
- Chi cục THADS tx V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Thúy Nga